

BÁO CÁO
Kết quả kê khai tài sản, thu nhập năm 2018

Căn cứ Nghị định số 78/2013/NĐ-CP ngày 17/7/2013 của Chính phủ; Thông tư số 08/2013/TT-TTCP ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Thanh tra Chính phủ. Ủy ban nhân dân thị xã Ayun Pa báo cáo kết quả kê khai tài sản thu nhập năm 2018 như sau:

1. Quá trình chỉ đạo, triển khai, tổ chức thực hiện quy định về minh bạch tài sản, thu nhập

Ủy ban nhân dân thị xã đã tổ chức phổ biến Nghị định 78/2013/NĐ-CP ngày 17/7/2013 của Chính phủ, Thông tư số 08/2013/TT-TTCP ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Thanh tra Chính phủ đến Trưởng các cơ quan đơn vị, Chủ tịch UBND các xã, phường.

Ban hành Văn bản số 1896-UBND/NC ngày 19/11/2018 của UBND thị xã chỉ đạo các cơ quan đơn vị tổ chức quán triệt, triển khai cho cán bộ, CCVC theo danh mục những người có nghĩa vụ phải kê khai, chấp hành nghiêm túc việc kê khai tài sản thu nhập và công khai trong cơ quan, đơn vị.

Giao cho cơ quan Thanh tra thị xã là đơn vị chủ trì hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị và UBND các xã, phường triển khai thực hiện kê khai minh bạch tài sản, thu nhập năm 2018, tổng hợp báo cáo theo quy định.

2. Kết quả thực hiện minh bạch tài sản, thu nhập

2.1. Kết quả kê khai:

- Số cơ quan, đơn vị đã triển khai thực hiện kê khai tài sản, thu nhập 63/63 đơn vị; tỷ lệ đạt 100% (giảm 02 đơn vị so với năm 2017 do 01 đơn vị Nhà Khách Thủ trưởng là Phó Chánh Văn phòng HĐND – UBND thị xã kiêm nhiệm đã kê khai tại Văn phòng HĐND – UBND thị xã; 01 đơn vị Trường TH Lê Hồng Phong sáp nhập).

- Số người phải kê khai tài sản, thu nhập trong năm là 285 người (giảm 16 người so với năm 2017 do nghỉ hưu, không thực hiện chế độ hợp đồng). Trong năm 2018 có 285/285 kê khai tài sản, thu nhập .

- Số người kê khai lần đầu 10 người (một số công chức, viên chức mới được bổ nhiệm chức vụ quản lý và tuyển dụng mới); số người kê khai bổ sung: 262/262 người.

- Số lượng và danh sách bản kê khai thuộc diện Ban thường vụ Thị ủy quản lý: 134 người;

- Số lượng và danh sách bản kê khai thuộc diện Ban thường vụ Tỉnh ủy quản lý: 13 người;

2.2 Kết quả công khai:

63/63 cơ quan, đơn vị đã thực hiện công khai bản kê khai tài sản, thu nhập trong cuộc họp và niêm yết tại đơn vị; đạt 100%.

Tình hình thông tin phản ánh sau khi công khai các bản kê khai tài sản, thu nhập trong năm: không có.

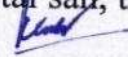
Số liệu về số bản kê khai được công khai:

- Số bản kê khai đã công khai 285; đạt 100%;
- Số bản kê khai đã công khai theo hình thức niêm yết 285; đạt 100%;
- Số bản kê khai đã công khai theo hình thức công bố tại cuộc họp 285; tỷ lệ đạt 100% .

3. Đánh giá chung

3.1. Thuận lợi: Việc kê khai tài sản theo Nghị định số 78/2013/NĐ-CP ngày 17/7/2013 của Chính phủ, Thông tư số 08/2013/TT-TTCP ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Thanh tra Chính phủ đã được tổ chức triển khai hướng dẫn kịp thời. Các cơ quan, đơn vị đã thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, trung thực và được công khai trong tập thể đơn vị.

3.2. Tồn tại: Việc kê khai tài sản chủ yếu dựa trên tinh thần tự giác của CBCCVC; chưa thực hiện việc xác minh tài sản.

Trên đây là báo cáo kết quả minh bạch tài sản, thu nhập năm 2018, UBND thị xã báo cáo Thanh tra tỉnh biết và theo dõi./. 

Nơi nhận:

- Thanh tra tỉnh;
- CT, các PCT UBND Thị xã;
- Thanh tra thị xã;
- Phòng Nội vụ thị xã;
- Lưu: VT. Thanh tra. 



Nay Nam

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ AYUN PA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

DANH SÁCH KÊ KHAI TÀI SẢN NĂM 2018

(Kèm theo Báo cáo số: 89 /BC-UBND, ngày 26/02/2019 của UBND thị xã)

STT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Thuộc diện tỉnh quản lý		Thuộc diện thị xã quản lý		Thuộc diện cấp ủy quản lý	Lý do chưa kê khai
			KK lần đầu	KK bổ sung	KK lần đầu	KK bổ sung		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
II. Các cơ quan, đơn vị thị xã								
1. Văn phòng HĐND-UBND thị xã								
1	1	NGUYỄN VĂN LỘC		x		x	x	
2	2	NAY NAM		x		x	x	
3	3	HỒ VĂN DIỆN		x		x	x	
4	4	TRẦN THỊ TÓ HẠNH		x		x	x	
5	5	KSOR H'KHUYÊN		x		x	x	
6	6	LÊ XUÂN LONG		x		x	x	
7	7	TẶNG KHẮC TRUNG		x		x	x	
8	8	ĐOÀN THANH PHONG				x	x	
9	9	TRẦN THỊ LIÊN				x	x	
10	10	NGUYỄN THANH TÂM				x	x	
11	11	NGUYỄN TRẦN KIM CƯƠNG				x		
12	12	NGUYỄN MẠNH TUẤN				x		
13	13	NGÔ THANH DUY				x		
14	14	PHẠM THỊ KIM CÚC			x			
2. Phòng Nội vụ								
15	1	VÕ ĐỨC HẠNH				x	x	
16	2	NAY WEH				x	x	
17	3	TRẦN TRỌNG KIM				x	x	
18	4	NGUYỄN THỊ LAN				x		
19	5	ĐINH TRUNG KIÊN				x		
20	6	NGUYỄN VĂN THỌ				x		
21	7	NGUYỄN THỊ HÀ				x		
3. Phòng Lao động - TBXH								
22	1	VÕ VĂN TÙNG				x	x	
23	2	HOÀNG THÚY HOA				x	x	
24	3	TRẦN THỊ VINH				x		
25	4	KSOR DJIU				x		
26	5	NGUYỄN PHƯỚC THỊNH				x		
4. Phòng Tài nguyên - MT								
27	1	LÊ HỮU THÙY				x	x	
28	2	CHÂU VĂN TUẤN				x	x	
29	3	TRÀ THỊ BẢO THU				x		
30	4	NAY SAN				x		

STT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Thuộc diện tỉnh quản lý		Thuộc diện thị xã quản lý		Thuộc diện cấp ủy quản lý	Lý do chưa kê khai
			KK lần đầu	KK bổ sung	KK lần đầu	KK bổ sung		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
31	5	HOÀNG THÁI NHUẬN				x		
5. Thanh tra								
32	1	NGUYỄN NGỌC DANH				x	x	
33	2	NGUYỄN THỊ HẢI				x		
34	3	HOÀNG ANH TUẤN				x	x	
35	4	HỒ TRẦN QUỲNH NHƯ				x		
36	5	LÊ THỊ HƯỜNG				x		
37	6	LÊ THANH HIỆP				x		
6. Phòng Tư pháp								
38	1	NGUYỄN THỊ HƯỜNG				x	x	
39	2	NGUYỄN AN HIỀN				x	x	
40	3	TÔ THỊ HẰNG				x		
7. Phòng Tài chính - KH								
41	1	ĐẶNG XUÂN TOÀN				x	x	
42	2	BÙI HỮU TUẤN				x	x	
43	3	TRẦN NHƯ HOÀI BẢO				x		
44	4	TÔ THỊ PHƯƠNG KIỀU				x		
45	5	TRẦN THỊ TÚ TRINH				x		
46	6	KSOR XUYỀN			x			
8. Phòng Kinh tế								
47	1	LÊ MINH TRÍ				x	x	
48	2	NGUYỄN HỒNG SƠN				x	x	
49	3	TRẦN CÔNG HÙNG				x	x	
50	4	KSOR GIÁO				x		
51	5	SIU THỊ NGỌC THẢO				x		
52	6	TRẦN THỊ THU LỆ				x		
53	7	NGUYỄN TRỌNG NAM				x		
9. Phòng Quản lý đô thị								
54	1	LÊ ĐÌNH TIẾN				x	x	
55	2	ĐỖ XUÂN DŨNG				x	x	
56	3	NGÔ HOÀNG DIỆU THÚY				x		
57	4	TRẦN ĐÌNH PHONG				x		
58	5	NGUYỄN THỊ HẠ CHI				x		
10. Phòng Y tế								
59	1	HỒ HUỖNH THIÊN TRUNG				x	X	
60	2	HOÀNG THÚY VÂN				x		
11. Phòng Giáo dục - ĐT								
61	1	LÊ VĂN NHÂN				x	x	
62	2	KSOR CHOAN				x	x	
63	3	TRƯƠNG THỊ THÊ ĐỨC			x			

STT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Thuộc diện tỉnh quản lý		Thuộc diện thị xã quản lý		Thuộc diện cấp ủy quản lý	Lý do chưa kê khai
			KK lần đầu	KK bổ sung	KK lần đầu	KK bổ sung		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
64	4 CAO THỊ THUYỀN	CV			x			
65	5 TRẦN THỊ ÚT	Kế toán				x		
12. Phòng Văn hóa - TT								
66	1 ĐẶNG THỊ THANH VÂN	Trưởng phòng				x	x	
67	2 HUỖNH ĐÌNH HÙNG	Phó trưởng phòng				x	x	
68	3 PHẠM THỊ THÚY HÀ	Chuyên viên				x		
13. Phòng Dân tộc								
69	1 PHẠM VĂN MINH	Trưởng phòng				x	x	
70	2 VŨ HOÀNG LOAN	Phó trưởng phòng				x	x	
71	3 TRƯƠNG THỊ LỆ THỦY	Kế toán				x		
72	4 KSOR HIẾU	Chuyên viên, Thủ quỹ				x		
14. Hội chữ thập đỏ								
73	1 KSOR THIÊN	Chủ tịch Hội				x	x	
74	2 TRẦN THỊ KIM LIÊN	Kế toán				x		
15. Trung tâm Giáo dục - TX								
75	1 NGUYỄN VĂN HIỆP	Phó Giám đốc TT				x		
76	2 THÁI THỊ MINH HẠNH	Kế toán				x		
16. Đài Truyền thanh - TH								
77	1 LAI QUANG MINH	Trưởng đài				x	x	
78	2 LÊ THÁI LÊ	Kế toán				x		
17. Ban QL Chợ								
79	1 PHẠM TÀI LONG	Trưởng ban				x	x	
80	2 TRẦN THỊ MAI	Kế toán HĐ				x		
18. Đội Công trình đô thị								
81	1 TRẦN NGỌC BÌNH	Đội trưởng				x	x	
82	2 LÊ KHẮC TỪ	Phó đội trưởng				x	x	
83	3 ĐẶNG PHAN HỒNG TRÂM	Kế toán HĐ				x		
19. Ban QL Dự án								
84	1 TRƯƠNG DẦN	Trưởng ban				x	x	
85	2 LÝ PHƯỚC QUANG	Phó ban				x	x	
86	3 PHẠM HIỆP	Kế toán				x		
20. Trạm Khuyến nông								
87	1 SIU NHENG	Trưởng trạm				x	x	
21. Trung tâm Dân số - KHHGD								
88	1 TRẦN TRỌNG CHỨC	Phó Giám đốc TT				x	x	
89	2 NGUYỄN THỊ BÍCH LIÊN	Kế toán				x		
90	3 CAO THỊ HOÀI VÂN	Thủ quỹ			x			
II. Các Trường học thuộc thị xã								
1. Trường mầm non Hoa Sen								
91	1 TĂNG THỊ THIỀU	Hiệu trưởng				x	x	
92	2 NGUYỄN THỊ LÝ	Phó hiệu trưởng				x	x	

STT		Họ và tên	Đơn vị công tác	Thuộc diện tỉnh quản lý		Thuộc diện thị xã quản lý		Thuộc diện cấp ủy quản lý	Lý do chưa kê khai
				KK lần đầu	KK bổ sung	KK lần đầu	KK bổ sung		
1		2	3	4	5	6	7	8	9
93	3	TRẦN THỊ THU MINH	Phó hiệu trưởng				x	x	
94	4	NGUYỄN THỊ KIỀU	Kế toán				x		
2. Trường mầm non Hòa Mi									
95	1	VŨ THỊ TUYẾT	Hiệu trưởng				x	x	
96	2	ĐÌNH THỊ XOAN	Phó hiệu trưởng				x	x	
97	3	TRẦN THỊ LỆ DUYÊN	Phó hiệu trưởng				x	x	
3. Trường mầm non Hoa Hồng									
98	1	HỒ THỊ THU	Hiệu trưởng				x	x	
99	2	NGUYỄN THỊ THƠM	Phó hiệu trưởng				x	x	
4. Trường mẫu giáo Hoa Phượng									
100	1	THÁI THỊ MINH HIẾU	Phó hiệu trưởng				x	x	
5. Trường mẫu giáo Vành Khuyên									
101	1	NGUYỄN THỊ TUYẾN	Hiệu trưởng				x	x	
102	2	KSOR H'PER	Phó hiệu trưởng				x	x	
6. Trường Mẫu giáo Tuổi Thơ									
103	1	TỔNG THỊ NGỌT	Hiệu trưởng				x	x	
104	2	RCOM H'MAI	Phó hiệu trưởng			x		x	
7. Trường mẫu giáo Sơn Ca									
105	1	NGUYỄN THỊ TRANG	Hiệu trưởng				x	x	
106	2	NGUYỄN THỊ ANH THU'	Phó hiệu trưởng				x	x	
8. Trường mẫu giáo Sao Mai									
107	1	BÙI THỊ LAN	Hiệu trưởng				x	x	
108	2	KSOR H'LÚI	Phó hiệu trưởng				x	x	
109	3	LÊ THỊ HƯƠNG	Phó hiệu trưởng				x	x	
9. Trường Tiểu học Chu Văn An									
110	1	TRỊNH ĐÌNH TỰ	Hiệu trưởng				x	x	
111	2	LÊ THỊ PHƯƠNG	Phó hiệu trưởng				x	x	
112	3	KSOR H'BLOANH	Phó hiệu trưởng				x	x	
113	4	HOÀNG THỊ MỸ PHƯƠNG	Kế toán				x		
10. Trường Tiểu học Bùi Thị Xuân									
114	1	TRẦN THỊ TỔNG	Hiệu trưởng				x	x	
115	2	CAO THỊ HƯƠNG	Phó hiệu trưởng				x	x	
116	3	NGUYỄN THỊ VINH	Kế toán				x		
11. Trường Tiểu học Kim Đồng									
117	1	BÙI VĂN HẢO	Hiệu trưởng				x	x	
118	2	NGUYỄN THỊ LÝ	Phó hiệu trưởng				x	x	
13. Trường TH - THCS Lê Văn Tám									
119	1	TRẦN QUỐC BÌNH	Hiệu trưởng				x	x	
120	2	LÊ HỮU HUỖNH	Phó hiệu trưởng				x	x	
121	3	VŨ THỊ THU HÀ	Phó hiệu trưởng				x	x	

STT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Thuộc diện tỉnh quản lý		Thuộc diện thị xã quản lý		Thuộc diện cấp ủy quản lý	Lý do chưa kê khai
			KK lần đầu	KK bổ sung	KK lần đầu	KK bổ sung		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
122	4	LÊ THỊ QUYỀN				X		
14. Trường tiểu học Nay Der								
123	2	MAI THỊ XINH				X	X	
124	3	TRẦN THỊ VĨNH				X	X	
125	2	TRẦN THỊ TUYẾT				X	X	
126	4	NGUYỄN THỊ HỒNG MAI				X		
15. Trường Tiểu học Võ Thị Sáu								
127	1	NGUYỄN THỊ THANH LIÊM				X	X	
128	2	ĐINH HỒNG KHÔI				X	X	
129	3	ĐỖ THỊ HUỆ				X	X	
130	4	NGUYỄN THỊ HẠNH				X		
16. Trường THCS Nguyễn Huệ								
131	1	NGUYỄN ĐỨC AN				X	X	
132	2	HUỲNH ANH TUẤN				X	X	
133	3	NGUYỄN ĐÌNH HỒNG				X	X	
134	4	PHAN XUÂN PHO				X		
17. Trường TH Nguyễn Trãi								
135	1	NGUYỄN THỊ HƯƠNG				X	X	
136	2	RÔ MINH LAN				X	X	
18. Trường THCS Lê Lợi								
137	1	PHAN ĐÌNH TRỌNG HIẾU				X	X	
138	2	LÊ THỊ LỆ THU				X	X	
139	3	TRẦN THỊ NHƯ NGUYỆT				X		
19. Trường TH - THCS Nguyễn Viết Xuân								
140	1	VÕ VĂN HÒA				X	X	
141	2	KSOR PLEN				X	X	
142	3	NGUYỄN THỊ HUỆ				X	X	
143	4	PHẠM XUÂN HÙNG				X		
20. Trường THCS Phạm Hồng Thái								
144	1	RCOM LIM				X	X	
145	2	ĐẶNG THỊ THÙY			X		X	
146	3	HỒ THỊ NGỌC HUYỀN				X		
21. Trường THCS Đinh Tiên Hoàng								
147	1	NGUYỄN VIỆT HOÀN				X	X	
148	2	NGÔ BẢO CHÂU				X	X	
149	3	NAY H'NHUY				X		
22. Trường THCS Trần Hưng Đạo								
150	1	PHẠM NGỌC PHƯƠNG				X	X	
151	2	TRẦN THANH VĨNH				X	X	
152	3	PHẠM THỊ THẨM				X		

STT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Thuộc diện tỉnh quản lý		Thuộc diện thị xã quản lý		Thuộc diện cấp ủy quản lý	Lý do chưa kê khai
			KK lần đầu	KK bổ sung	KK lần đầu	KK bổ sung		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
23. Trường THCS Dân tộc Nội trú								
153	1	PHẠM XUÂN NGỌC				X	X	
154	2	RCOM TUNG				X	X	
155	3	MAI THỊ HỒNG TÂM				X	X	
156	4	TRẦN NGỌC THUẬN			X			
III. Các xã, phường								
1. Xã Ia Rbol								
157	1	PHẠM THỊ VÂN				X	X	
158	2	LÊ VĂN TUỆ				X	X	
159	3	KSOR JAN				X	X	
160	4	RCOM H'BI OI				X	X	
161	5	NAY PÔL				X	X	
162	6	NAY PRUAN				X		
163	7	KSOR VEN				X		
164	8	RƠ Ô H'MUY				X		
165	9	RCOM PHUEN				X		
166	10	NGUYỄN THỊ LÝ DUNG				X		
167	11	NGUYỄN THỊ XUÂN VY				X		
168	12	LƯƠNG THỊ THÚY				X		
169	13	KSOR THUANH				X		
2. Xã Chư Băh								
170	1	SIU HIÊU				X	X	
171	2	LÊ ĐỨC MINH				X	X	
172	3	RCOM TAM				X	X	
173	4	LÊ THANH SINH				X	X	
174	5	RCOM THUYỀN				X	X	
175	6	NGUYỄN VĂN LONG				X		
176	7	ĐÀM PHÚC HÙNG				X		
177	8	VÕ THỊ THU HÀ				X		
178	9	RCOM KHUÔNG				X		
179	10	NAY H'OANH				X		
180	11	PHẠM THỊ THỦY TRIỀU				X		
181	12	NAY THƠM				X		
3. Xã Ia Rôô								
182	1	TRỊNH VĂN LƯƠNG				X	X	
183	2	NGUYỄN THỊ THÚY PHUON				X	X	
184	3	ĐẶNG TÂN HÒA				X	X	

STT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Thuộc diện tỉnh quản lý		Thuộc diện thị xã quản lý		Thuộc diện cấp ủy quản lý	Lý do chưa kê khai
			KK lần đầu	KK bổ sung	KK lần đầu	KK bổ sung		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
185	4	PHAN THỊ ÁNH NGUYỆT				x		
186	5	PHAN TẤN SỸ				x	x	
187	6	NGUYỄN HUY XUYỀN				x		
188	7	ĐỖ VĂN HẢI				x		
189	9	KSOR H'RIN				x		
190	10	LÊ THỊ NGỌC ANH				x		
191	11	KSOR MANG				x		
192	12	KSOR TÁO				x		
4. Xã Ia Sao								
193	1	LÊ VĂN MINH				x	x	
194	2	NAY CHUYÊN				x	x	
195	3	HUỖNH THỊ KIM HƯƠNG				x	x	
196	4	LÊ XUÂN HẢI				x	x	
197	5	NGUYỄN THỊ TÁNH				x	x	
198	6	NGUYỄN LÊ VĂN SỸ				x		
199	7	NGUYỄN VĂN LINH				x		
200	8	NAY H' MOAN				x		
201	9	NGUYỄN THỊ MAI HƯƠNG				x		
202	10	HUỖNH THỊ GIAO LINH				x		
203	11	CÙ MINH QUÂN				x		
204	12	NGUYỄN NHƯ Ý				x		
5. Phường Sông Bờ								
205	1	MAI QUANG DƯƠNG				x	x	
206	2	LÊ THỊ THU THỦY				x	x	
207	3	LÊ VĂN TRỌNG				x	x	
208	4	BẠCH THANH LONG				x	x	
209	5	VŨ THỊ HÀ GIANG				x	x	
210	6	PHÙNG BÁ TOÀN				x		
211	7	RCOM VI NA				x		
212	8	NGÔ ĐẠI THÀNH				x		
213	9	TẶNG CÔNG TRƯỜNG				x		
214	10	TRẦN THỊ THANH HẰNG				x		
6. Phường Hòa Bình								
215	1	NGUYỄN THANH QUANG				x	x	
216	2	NGUYỄN THỊ THANH TÂM				x	x	
217	3	TRẦN NGỌC ANH				x	x	

STT		Họ và tên	Đơn vị công tác	Thuộc diện tỉnh quản lý		Thuộc diện thị xã quản lý		Thuộc diện cấp ủy quản lý	Lý do chưa kê khai
				KK lần đầu	KK bổ sung	KK lần đầu	KK bổ sung		
1		2	3	4	5	6	7	8	9
218	4	TRẦN THỊ KIỀU OANH	Phó chủ tịch HĐND				x		
219	5	LÊ NGỌC LONG	Phó Chủ tịch UBND				x	x	
220	6	NGUYỄN THỊ THI LINH	Kế toán				x		
221	7	NGUYỄN ANH SƠN	Trưởng công an				x		
222	8	TÓNG VŨ BẢO	Chỉ huy trưởng QS				x		
223	9	NGUYỄN CÔNG BÌNH	CB địa chính - Xây dựng				x		
224	10	NGUYỄN VĂN THINH	Tư pháp - HT				x		
225	11	PHẠM VĂN HẢI	CB địa chính				x		
7. Phường Đoàn Kết									
226	1	VÕ PHÚ	Bí thư đảng ủy				x	x	
227	2	TRẦN BẢO LỘC	Phó Bí thư Đảng ủy - CT HĐND				x	x	
228	3	KPẢ H' VEN	Phó Chủ tịch HĐND				x	x	
229	4	NGUYỄN ĐỨC BẮC	Chủ tịch UBND				x	x	
230	5	LÊ THỊ NGÀ	Phó Chủ tịch UBND				x	x	
231	6	LÊ VĂN HẬU	Chỉ huy trưởng QS				x		
232	7	ĐỖ MINH SƠN	Địa chính xây dựng				x		
233	8	TRẦN THANH TÍN	Tư pháp - HT				x		
234	9	NAY SIU LỊCH	Tư pháp - HT				x		
235	10	PHẠM QUÍ TRÌNH	Địa chính - MT				x		
236	11	LÊ ĐỨC KẾ	Trưởng Công an				x		
237	12	HUỲNH BỬU PHÚ	Kế toán				x		
238	13	TRẦN THỊ HẢI YẾN	Kế toán			x			
8. Phường Chèo Reo									
239	1	LÊ VĂN HÒA	Bí thư Đảng ủy				x	x	
240	2	DƯƠNG NGỌC DŨNG	Phó Chủ tịch UBND				x	x	
241	3	RAH LAN THIẾP	Phó Chủ tịch HĐND				x	x	
242	4	NGUYỄN VĂN MẠNH	Phó Bí thư đảng ủy				x	x	
243	5	NGUYỄN VĂN THÀNH	Trưởng công an				x		
244	6	NGUYỄN KHÁNH MINH	Địa chính - Xây dựng				x		
245	7	NGUYỄN THỊ HẠNH	Tư pháp - HT				x		
246	8	PHAN VŨ TRUNG	Địa chính xây dựng				x		
247	9	VÕ THỊ KIM THOA	Kế toán				x		
248	10	TRƯƠNG THANH HÙNG	Chỉ huy trưởng Quân sự				x		
I. Khối Đảng Thị ủy									
1. Văn phòng Thị ủy									
249	1	Thái Thanh Bình	Tỉnh ủy viên, Bí thư Thị ủy, Chủ tịch HĐND thị xã		x			x	

STT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Thuộc diện tỉnh quản lý		Thuộc diện thị xã quản lý		Thuộc diện cấp ủy quản lý	Lý do chưa kê khai
			KK lần đầu	KK bổ sung	KK lần đầu	KK bổ sung		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
250	2	Ksor Vinh		x			x	
251	3	Nguyễn Thị Ngọc				x	x	
252	4	Dương Thị Anh				x	x	
253	5	Võ Đăng Khoa			x		x	
254	6	Lê Thị Thu Hằng				x		
2. Ban Tổ chức Thị ủy								
255	1	Nay Hồng Tâm				x	x	
256	2	Nguyễn Văn Trang				x	x	
257	3	Trần Ngọc Sơn				x	x	
3. Ban Tuyên giáo								
258	1	Mai Thế Phụng		x			x	
259	2	Nguyễn Chí Cường				x	x	
260	3	Hồ Thị Ngọc Quý				x	x	
4. UBKT Thị ủy								
261	1	Trần Thị xuyên		x			x	
262	3	Phan Đức Giáo				x	x	
263	4	Nhữ Anh Nghiệp				x	x	
264	5	Ksor H' Phương				x		
265	6	Nguyễn Hữu Lý				x		
5. Ban Dân vận Thị ủy								
266	1	Đoàn Thị Thùy		x			x	
267	2	Dương Thị Hương			x		x	
6. Trung tâm BDCT thị xã								
268	1	Lưu Văn Phụng				x	x	
269	2	Mai Kim Chi				x	x	
II. Khối Mặt trận - Đoàn thể								
1. UBMTTQVN thị xã								
270	1	Nguyễn Phú		x			x	
271	2	Hoàng Thị Hương				x	x	
272	3	Ksor Tâm				x	x	
273	4	Ksor Jă				x	x	
274	5	Đỗ Thị Lệ			x			
2. Thị đoàn								
275	2	Phan Thị Kiều Lương				x	x	
276	3	Nguyễn Đức Huy				x	x	
3. Hội Phụ nữ								
277	1	Ksor H' Chil				x	x	
278	2	Nguyễn Thị Nga				x	x	

STT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Thuộc diện tỉnh quản lý		Thuộc diện thị xã quản lý		Thuộc diện cấp ủy quản lý	Lý do chưa kê khai
			KK lần đầu	KK bổ sung	KK lần đầu	KK bổ sung		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
279	3	Nguyễn Thị Mến				x	x	
4. Hội Nông dân								
280	1	Ksor Bốt				x	x	
281	2	Đào Nhật Nam			x		x	
5. Hội Cựu Chiến binh								
282	1	Nguyễn Xuân Phong				x	x	
283	2	Phạm Huy Tuấn				x	x	
6. Liên đoàn lao động								
284	1	Hà Thị Thu Huyền				x	x	
285	2	Nguyễn Đăng Khoa				x	x	
			0	13	10	262	134	

TỔNG CỘNG: 285 NGƯỜI



THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
PHÓ CHỦ TỊCH

Nay Nam

**BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU
KÊ KHAI, CÔNG KHAI, XÁC MINH TÀI SẢN THU NHẬP NĂM 2018**
(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND, ngày 22 /02 /2019 của UBND thị xã)

Stt	Đơn vị	Số người phải kê khai trong năm	Số người đã công khai theo hình thức niêm yết	Số người đã công khai theo hình thức tổ chức cuộc họp	Số người đã được xác minh tài sản thu nhập	Số người đã có kết luận kê khai không trung thực	Số người bị xử lý do kê khai không trung thực	Số người đã bị xử lý kỷ luật do chậm tổ chức kê khai, chậm kê khai, chậm tổng hợp, báo cáo kết quả minh bạch tài sản	Số người đã bị xử lý trách nhiệm trong xác minh tài sản, thu nhập	Ghi chú
1	Văn Phòng HĐND&UBND	14	14	14	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	14	14	14	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	14	14	14	0	0	0	0	0	
2	Phòng Nội vụ	7	7	7	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	7	7	7	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	7	7	7	0	0	0	0	0	
3	Phòng Lao động TBXH	5	5	5	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	5	5	5	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	5	5	5	0	0	0	0	0	
4	Phòng Tài nguyên -MT	5	5	5	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	5	5	5	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	5	5	5	0	0	0	0	0	
5	Thanh tra	5	5	5	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	5	5	5	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	5	5	5	0	0	0	0	0	

Stt	Đơn vị	Số người phải kê khai trong năm	Số người đã kê khai	Số người công khai theo hình thức niêm yết	Số người đã công khai theo hình thức tổ chức cuộc họp	Số người đã được xác minh tài sản thu nhập	Số người đã có kết luận kê khai không trung thực	Số người bị xử lý do kê khai không trung thực	Số người đã bị xử lý kỷ luật do chậm tổ chức kê khai, chậm kê khai, chậm tổng hợp, báo cáo kết quả minh bạch tài sản	Số người đã bị xử lý trách nhiệm trong xác minh tài sản, thu nhập	Ghi chú
6	Phòng Tư pháp	3	3	3	3	0	0	0	0	0	
	Số Bàn kê khai do cơ quan quản lý	3	3	3	3	0	0	0	0	0	
	Số Bàn kê khai do cấp trên quản lý	3	3	3	3	0	0	0	0	0	
7	Phòng Tài chính - KH	6	6	6	6	0	0	0	0	0	
	Số Bàn kê khai do cơ quan quản lý	6	6	6	6	0	0	0	0	0	
	Số Bàn kê khai do cấp trên quản lý	6	6	6	6	0	0	0	0	0	
8	Phòng Kinh tế	7	7	7	7	0	0	0	0	0	
	Số Bàn kê khai do cơ quan quản lý	7	7	7	7	0	0	0	0	0	
	Số Bàn kê khai do cấp trên quản lý	7	7	7	7	0	0	0	0	0	
9	Phòng Quản lý đô thị	5	5	5	5	0	0	0	0	0	
	Số Bàn kê khai do cơ quan quản lý	5	5	5	5	0	0	0	0	0	
	Số Bàn kê khai do cấp trên quản lý	5	5	5	5	0	0	0	0	0	
10	Phòng Y tế	2	2	2	2	0	0	0	0	0	
	Số Bàn kê khai do cơ quan quản lý	2	2	2	2	0	0	0	0	0	
	Số Bàn kê khai do cấp trên quản lý	2	2	2	2	0	0	0	0	0	
11	Phòng Giáo dục - DT	5	5	5	5	0	0	0	0	0	
	Số Bàn kê khai do cơ quan quản lý	5	5	5	5	0	0	0	0	0	
	Số Bàn kê khai do cấp trên quản lý	5	5	5	5	0	0	0	0	0	
12	Phòng Văn hóa - TT	3	3	3	3	0	0	0	0	0	
	Số Bàn kê khai do cơ quan quản lý	3	3	3	3	0	0	0	0	0	
	Số Bàn kê khai do cấp trên quản lý	3	3	3	3	0	0	0	0	0	
13	Phòng Dân tộc	4	4	4	4	0	0	0	0	0	
	Số Bàn kê khai do cơ quan quản lý	4	4	4	4	0	0	0	0	0	
	Số Bàn kê khai do cấp trên quản lý	4	4	4	4	0	0	0	0	0	

Stt	Đơn vị	Số người phải kê khai trong năm	Số người đã công khai theo hình thức niêm yết	Số người đã công khai theo hình thức tổ chức cuộc họp	Số người đã được xác minh tài sản thu nhập	Số người đã có kết luận kê khai không trung thực	Số người bị xử lý do kê khai không trung thực	Số người đa bị xử lý kỷ luật do chậm khai, chậm kê khai, chậm khai tổng hợp, báo cáo minh bạch tài sản	Số người đã bị xử lý trách nhiệm trong xác minh tài sản, thu nhập	Ghi chú
14	Hội Chữ thập đỏ	2	2	2	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	2	2	2	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	2	2	2	0	0	0	0	0	
15	Trung tâm Giáo dục NN- GDTX	2	2	2	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	2	2	2	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	2	2	2	0	0	0	0	0	
16	Đài Truyền thanh - TH	2	2	2	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	2	2	2	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	2	2	2	0	0	0	0	0	
17	Ban Quản lý chợ	2	2	2	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	2	2	2	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	2	2	2	0	0	0	0	0	
18	Đội công trình đô thị	3	3	3	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	3	3	3	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	3	3	3	0	0	0	0	0	
19	Ban QL dự án	3	3	3	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	3	3	3	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	3	3	3	0	0	0	0	0	
20	Trạm khuyến nông	1	1	1	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	1	1	1	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	1	1	1	0	0	0	0	0	
21	Trung tâm dân số KHHGD	3	3	3	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	3	3	3	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	3	3	3	0	0	0	0	0	

Sst	Đơn vị	Số người phải kê khai trong năm	Số người đã kê khai	Số người công khai theo hình thức niêm yết	Số người đã công khai theo hình thức tổ chức cuộc họp	Số người đã được xác minh tài sản thu nhập	Số người đã có kết luận kê khai không trung thực	Số người bị xử lý do kê khai không trung thực	Số người đã bị xử lý kỷ luật do chậm kê khai, chậm kê khai, chậm tổng hợp, báo cáo kết quả minh bạch tài sản	Số người đã bị xử lý trách nhiệm trong xác minh tài sản, thu nhập	Ghi chú
22	Trường mầm non Hoa Sen	4	4	4	4	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	4	4	4	4	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	4	4	4	4	0	0	0	0	0	
23	Trường mầm non Hòa Mi	3	3	3	3	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	3	3	3	3	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	3	3	3	3	0	0	0	0	0	
24	Trường mầm non Hoa Hồng	2	2	2	2	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	2	2	2	2	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	2	2	2	2	0	0	0	0	0	
25	Trường mẫu giáo Hoa Phượng	1	1	1	1	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	1	1	1	1	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	1	1	1	1	0	0	0	0	0	
26	Trường mẫu giáo Vành Khuyên	2	2	2	2	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	2	2	2	2	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	2	2	2	2	0	0	0	0	0	
27	Trường mẫu giáo Tuổi Thơ	2	2	2	2	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	2	2	2	2	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	2	2	2	2	0	0	0	0	0	
28	Trường mẫu giáo Sơn Ca	2	2	2	2	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	2	2	2	2	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	2	2	2	2	0	0	0	0	0	
29	Trường mẫu giáo Sao Mai	3	3	3	3	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	3	3	3	3	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	3	3	3	3	0	0	0	0	0	

Stt	Đơn vị	Số người phải kê khai trong năm	Số người đã kê khai	Số người công khai theo hình thức niêm yết	Số người đã công khai theo hình thức tổ chức cuộc họp	Số người đã được xác minh tài sản thu nhập	Số người đã có kết luận kê khai không trung thực	Số người bị xử lý do kê khai không trung thực	Số người đã bị xử lý kỷ luật do chậm khai, chậm kê khai, chậm tổng hợp, báo cáo kết quả minh bạch tài sản	Số người đã bị xử lý trách nhiệm trong xác minh tài sản, thu nhập	Ghi chú
30	Trường TH Chu Văn An	4	4	4	4	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	4	4	4	4	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	4	4	4	4	0	0	0	0	0	
31	Trường TH Bùi Thị Xuân	3	3	3	3	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	3	3	3	3	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	3	3	3	3	0	0	0	0	0	
32	Trường TH Kim Đồng	2	2	2	2	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	2	2	2	2	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	2	2	2	2	0	0	0	0	0	
33	Trường TH - THCS Lê Văn Tám	4	4	4	4	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	4	4	4	4	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	4	4	4	4	0	0	0	0	0	
34	Trường TH Nay Der	4	4	4	4	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	4	4	4	4	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	4	4	4	4	0	0	0	0	0	
35	Trường TH Võ Thị Sáu	4	4	4	4	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	4	4	4	4	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	4	4	4	4	0	0	0	0	0	
36	Trường THCS Nguyễn Huệ	4	4	4	4	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	4	4	4	4	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	4	4	4	4	0	0	0	0	0	
37	Trường TH Nguyễn Trãi	2	2	2	2	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	2	2	2	2	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	2	2	2	2	0	0	0	0	0	

Stt	Đơn vị	Số người phải kê khai trong năm	Số người đã kê khai	Số người công khai theo hình thức niêm yết	Số người đã công khai theo hình thức tổ chức cuộc họp	Số người đã được xác minh tài sản thu nhập	Số người đã có kết luận kê khai không trung thực	Số người bị xử lý do kê khai không trung thực	Số người đã bị xử lý kỷ luật do chậm tổ chức kê khai, chậm kê khai, chậm tổng hợp, báo cáo minh bạch tài sản	Số người đã bị xử lý trách nhiệm trong xác minh tài sản, thu nhập	Ghi chú
38	Trường THCS Lê Lợi	3	3	3	3	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	3	3	3	3	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	3	3	3	3	0	0	0	0	0	
39	Trường TH - THCS Nguyễn Viết Xuân	4	4	4	4	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	4	4	4	4	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	4	4	4	4	0	0	0	0	0	
40	Trường THCS Phạm Hồng Thái	3	3	3	3	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	3	3	3	3	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	3	3	3	3	0	0	0	0	0	
41	Trường THCS Đinh Tiên Hoàng	3	3	3	3	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	3	3	3	3	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	3	3	3	3	0	0	0	0	0	
42	Trường THCS Trần Hưng Đạo	3	3	3	3	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	3	3	3	3	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	3	3	3	3	0	0	0	0	0	
43	Trường THCS Dân tộc Nội trú	4	4	4	4	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	4	4	4	4	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	4	4	4	4	0	0	0	0	0	
44	Xã Ia Rbol	13	13	13	13	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	13	13	13	13	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	13	13	13	13	0	0	0	0	0	
45	Xã Chư Băh	12	12	12	12	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	12	12	12	12	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	12	12	12	12	0	0	0	0	0	
	Xã Ia Rtô	12	12	12	12	0	0	0	0	0	

SĐT	Đơn vị	Số người phải kê khai trong năm	Số người đã kê khai	Số người công khai theo hình thức niêm yết	Số người đã công khai theo hình thức tổ chức cuộc họp	Số người đã được xác minh tài sản thu nhập	Số người đã có kết luận kê khai không trung thực	Số người bị xử lý do kê khai không trung thực	Số người đã bị xử lý kỷ luật do chậm khai, chậm kê khai, chậm tổng hợp, báo cáo kết quả minh bạch tài sản	Số người đã bị xử lý trách nhiệm trong xác minh tài sản, thu nhập	Ghi chú
46	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	12	12	12	12	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	12	12	12	12	0	0	0	0	0	
47	Xã Ia Sao	12	12	12	12	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	12	12	12	12	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	12	12	12	12	0	0	0	0	0	
	Phường Sông Bờ	10	11	11	11	0	0	0	0	0	
48	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	10	11	11	11	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	10	11	11	11	0	0	0	0	0	
	Phường Hòa Bình	11	11	11	11	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	11	11	11	11	0	0	0	0	0	
49	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	11	11	11	11	0	0	0	0	0	
	Phường Đoàn Kết	13	13	13	13	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	13	13	13	13	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	13	13	13	13	0	0	0	0	0	
50	Phường Chèo Reo	10	11	11	11	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	10	11	11	11	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	10	11	11	11	0	0	0	0	0	
	Văn phòng thị ủy	6	6	6	6	0	0	0	0	0	
51	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	6	6	6	6	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	6	6	6	6	0	0	0	0	0	
	Ban tổ chức thị ủy	3	3	3	3	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	3	3	3	3	0	0	0	0	0	
52	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	3	3	3	3	0	0	0	0	0	
	Ban Tuyên giáo	3	3	3	3	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	3	3	3	3	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	3	3	3	3	0	0	0	0	0	
53	Ban Tuyên giáo	3	3	3	3	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	3	3	3	3	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	3	3	3	3	0	0	0	0	0	
	Ban Tuyên giáo	3	3	3	3	0	0	0	0	0	
54	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	3	3	3	3	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	3	3	3	3	0	0	0	0	0	
	Ban Tuyên giáo	3	3	3	3	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	3	3	3	3	0	0	0	0	0	

Sit	Đơn vị	Số người phải kê khai trong năm	Số người đã kê khai	Số người công khai theo hình thức niêm yết	Số người đã công khai theo hình thức tổ chức cuộc họp	Số người đã được xác minh tài sản thu nhập	Số người đã có kết luận kê khai không trung thực	Số người bị xử lý do kê khai không trung thực	Số người đã bị xử lý kỷ luật do chậm kê khai, chậm kê khai, chậm tổng hợp, báo cáo kết quả minh bạch tài sản	Số người đã bị xử lý trách nhiệm trong xác minh tài sản, thu nhập	Ghi chú
55	UBND thị ủy	5	5	5	5	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	5	5	5	5	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	5	5	5	5	0	0	0	0	0	
	Ban dân vận thị ủy	2	2	2	2	0	0	0	0	0	
56	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	2	2	2	2	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	2	2	2	2	0	0	0	0	0	
	Trung tâm BDCT thị xã	2	2	2	2	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	2	2	2	2	0	0	0	0	0	
57	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	2	2	2	2	0	0	0	0	0	
	UBMTTQVN thị xã	5	5	5	5	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	5	5	5	5	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	5	5	5	5	0	0	0	0	0	
58	Thị Đoàn	2	2	2	2	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	2	2	2	2	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	2	2	2	2	0	0	0	0	0	
	Hội LHPN thị xã	3	3	3	3	0	0	0	0	0	
59	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	3	3	3	3	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	3	3	3	3	0	0	0	0	0	
	Hội nông dân	2	2	2	2	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	2	2	2	2	0	0	0	0	0	
60	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	3	3	3	3	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	3	3	3	3	0	0	0	0	0	
	Hội cựu chiến binh	2	2	2	2	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	2	2	2	2	0	0	0	0	0	
61	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	2	2	2	2	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	2	2	2	2	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	2	2	2	2	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	2	2	2	2	0	0	0	0	0	
62	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	2	2	2	2	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	2	2	2	2	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	2	2	2	2	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	2	2	2	2	0	0	0	0	0	

Stt	Đơn vị	Số người phải kê khai trong năm	Số người đã kê khai	Số người công khai theo hình thức niêm yết	Số người đã công khai theo hình thức tổ chức cuộc họp	Số người đã được xác minh tài sản thu nhập	Số người đã kê khai không trung thực	Số người bị xử lý do kê khai không trung thực	Số người đã bị xử lý kỷ luật do chậm tổ chức kê khai, chậm kê khai, chậm tổng hợp, báo cáo kết quả minh bạch tài sản	Số người đã bị xử lý trách nhiệm trong xác minh tài sản, thu nhập	Ghi chú
	Liên Đoàn lao động thị xã	2	2	2	2	0	0	0	0		
63	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	2	2	2	2	0	0	0	0		
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	2	2	2	2	0	0	0	0		
	Tổng cộng	285	285	285	285						



THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

QUỐC CHỦ TỊCH

Nay Nam

